

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 10/5/2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 618/2020/TLST-DS, ngày 15/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-12/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2022/QĐST-DS, ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ: Số 34A-34B Hàn Thuyên, phường Phạm H, quận T, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V, sinh năm 1964. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M. Chức vụ: Chuyên viên QHKHCN- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A -Chi nhánh ĐN. Giấy ủy quyền số 310/2020/GUQ-VAB, ngày 16/4/2020. Vắng mặt.

Bị đơn:

1.Ông Ngô Quang H, sinh năm 1956

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh ĐN.

Địa chỉ L lạc: Tổ 9, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh ĐN. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh ĐN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn Minh đại diện trình bày:

Ngày 01/12/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Ngô Quang H, bà Trần Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 200-118/15/VAB/HĐTDHNC. Theo đó Ngân hàng cho ông H, bà L vay số tiền

792.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Mazda CX5. Thời hạn vay 72 tháng. Lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần bằng lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng cuối kỳ bậc 2 của khách hàng cá nhân + biên độ 3.5%/năm. Lãi suất đang áp dụng 12,08%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án là xe mô tô hiệu Mazda CX5, biển số 60A-252.10. Số máy PE10259148. Số khung 57A6FC021549. Đăng ký xe số 039662 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/11/2015 đứng tên ông H. Hợp đồng thế chấp số 200-118A/15/VAB/HĐTCOTO, ngày 03/12/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/12/2015.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 495.000.000 đồng, sau đó thì vi phạm quy định về thanh toán tiền lãi và vốn vay cho ngân hàng theo Điều 6 và Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 200-118/15/VAB/HĐTDHCN ngày 01/12/2015. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, gửi thư mời nhắc nhở và tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ nhưng ông Ngô Quang H, bà Trần Thị L vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ vay cho ngân hàng.

Tính đến ngày 10/05/2022, ông Ngô Quang H, bà Trần Thị L còn nợ Ngân hàng số tiền là 453.064.938 đồng, trong đó nợ gốc là 308.220.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.863.004 đồng, lãi quá hạn là 102.981.934 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán số tiền trên và yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán tiền lãi tiếp theo từ ngày 11/5/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông H, bà L không trả được nợ vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân Hàng, thì tài sản thế chấp được phát mại đảm bảo thi hành án.

Đối với chi phí tố tụng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H bao gồm phí đăng báo, phí phát thanh Ngân hàng đã bỏ ra là 4.050.000 đồng, yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán lại cho Ngân hàng.

Đối với tiền lãi phạt chậm trả: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán là 1.336.225 đồng, Ngân hàng xin rút đối với yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Quang H trình bày:

Ông có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền để mua xe ô tô Mazda CX5, biển số 60A-252.10, do dịch bệnh gặp khó khăn đến ngày 03/6/2020 ông còn nợ Ngân hàng số tiền là 326.614.651 đồng theo hồ sơ tín dụng, hồ sơ thế chấp Ngân hàng khởi kiện là đúng. Ông có thể chấp xe ô tô trên cho Ngân hàng, về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ông không có tranh chấp gì. Ông đồng ý thanh toán tiền cho Ngân hàng theo đơn khởi kiện, trường hợp không thanh toán được thì xe thế chấp đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên do dịch bệnh khó khăn, ông xin được trả trong thời hạn 24 tháng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của chồng bà là ông Ngô Quang H, đồng ý việc Ngân hàng khởi kiện, bà không có yêu cầu phản tố gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

-Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn ông H có địa chỉ tại tổ 1, Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh ĐN, bà Trần Thị L có địa chỉ tại tổ 9, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh ĐN. Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là nơi ông H cư trú, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Ngày 01/12/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Ngô Quang H, bà Trần Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 200-118/15/VAB/HĐTDHNC trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Nguyên đơn là tổ chức tín dụng, bị đơn là cá nhân nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về Hợp đồng tín dụng:

Ngày 01/12/2015, Ngân hàng và ông H, bà L ký Hợp đồng tín dụng số 200-118/15/VAB/HĐTDHNC. Theo đó Ngân hàng cho ông H, bà L vay số tiền 792.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Mazda CX5. Thời hạn vay 72 tháng. Lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần bằng lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 13 tháng cuối kỳ bậc 2 của khách hàng cá nhân + biên độ 3.5%/năm. Lãi suất đang áp dụng 12,08%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản thế chấp đảm bảo thi hành án là xe mô tô hiệu Mazda CX5, biển số 60A-252.10. Số máy PE10259148. Số khung 57A6FC021549. Đăng ký xe số 039662 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/11/2015 đứng tên ông H. Hợp đồng thế chấp số 200-118A/15/VAB/HĐTCOTO, ngày 03/12/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/12/2015.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 495.000.000 đồng, sau đó do dịch bệnh khó khăn không thanh toán tiếp được.

Tính đến ngày 10/05/2022, ông Ngô Quang H, bà Trần Thị L còn nợ Ngân hàng số tiền là 453.064.938 đồng, trong đó nợ gốc là 308.220.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.863.004 đồng, lãi quá hạn là 102.981.934 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán số tiền trên. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán tiền lãi tiếp theo từ ngày 11/5/2022 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng.

Các nội dung trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và số tiền Ngân hàng yêu cầu thì ông H, bà L thống nhất, tuy nhiên do dịch bệnh khó khăn nên ông bà chưa thanh toán nợ được cho Ngân hàng.

Căn cứ quy định tại các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/05/2022 là 453.064.938 đồng, trong đó nợ gốc là 308.220.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.863.004 đồng, lãi quá hạn là 102.981.934 đồng.

Kể từ ngày 11/5/2022, ông H, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đối với số tiền lãi phạt chậm trả thì tại bản tự khai ngày 10/5/2022, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả theo đơn khởi kiện là 1.336.225 đồng. Đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về Hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 03/12/2015 Ngân hàng và ông H, bà L ký Hợp đồng thế chấp số 200-118A/15/VAB/HĐTCOTO. Tài sản thế chấp là xe mô tô hiệu Mazda CX5, biển số 60A-252.10, số máy PE10259148, số khung 57A6FC021549, Đăng ký xe số 039662 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/11/2015 đứng tên ông H. Hợp đồng thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/12/2015. Hợp đồng thế chấp ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các đương sự, được đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật. Trường hợp ông H, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán của mình thì tài sản thế chấp được ưu tiên phát mãi để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Quá trình tố tụng Ngân hàng tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông H, tổng chi phí là 4.050.000 đồng, bao gồm chi phí đăng báo 3.000.000 đồng và chi phí phát thanh tìm kiếm là 1.050.000 đồng. Các chi phí này Ngân hàng đã bỏ ra và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn ông H, bà L phải thanh toán lại số tiền trên cho nguyên đơn.

[5] Về án phí:

-Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là [20.000.000 đồng +(4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)]= 20.000.000 đồng +2.122.597 đồng = 22.122.597 đồng. Tuy nhiên do ông H và bà L là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn tiền án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.166.000 đồng thu tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008301, ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; khoản khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A

Buộc ông Ngô Quang H và bà Trần Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt số tiền tính đến ngày 10/5/2022 là 453.064.937 đồng, trong đó nợ gốc là 308.220.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 41.863.004 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.981.934 đồng.

Kể từ ngày 11/5/2022, ông Ngô Quang H và bà Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu ông H, bà L phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả theo đơn khởi kiện là 1.336.225 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là xe mô tô hiệu Mazda CX5, biển số 60A-252.10, số máy PE10259148, số khung 57A6FC021549, Đăng ký xe số 039662 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/11/2015 đứng

tên ông H. Theo Hợp đồng thế chấp số 200-118A/15/VAB/HĐTCOTO, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 01/12/2015 sẽ được ưu tiên phát mãi để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông H, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán của mình.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Ngô Quang H và bà Trần Thị L phải thanh toán lại số tiền 4.050.000 đồng cho Ngân hàng TMCP A.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bên có nghĩa vụ thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

-Ông Ngô Quang H và bà Trần Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.166.000 đồng thu tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006684, ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP A, ông Ngô Quang H và bà Trần Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được